



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 169 + 170

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 16-01-2025- Quyết định số 220/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức. 3
- 16-01-2025- Chỉ thị số 02/CT-UBND về việc phát động phong trào thi đua “Hành động đổi mới - Vượt khó mọi nhiệm vụ” thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, kế hoạch 05 năm (2021 - 2025) lập thành tích chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025, đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025). 36

21-01-2025- Quyết định số 278/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 220/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền tiếp nhận
của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số

13599/TTr-STNMT-VP ngày 17 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc thẩm quyền tiếp nhận Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục và nội dung chi tiết của 02 quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

| STT | |
|----------|--|
| A | Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức |
| 1 | Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện) |
| B | Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức |
| 1 | Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất |

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ TÁI CẤU TRÚC
Quy trình số 01

Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|----|---|----------|-----------|
| 1. | <p>Văn bản lấy ý kiến kèm theo tài liệu, nội dung thông tin (theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP). Nội dung thông tin cung cấp để tổ chức lấy ý kiến bao gồm:</p> <p>a) Thông tin tổng thể của dự án; kế hoạch, tiến độ triển khai dự án kèm theo văn bản, tài liệu pháp lý liên quan đến đầu tư, xây dựng dự án, thời gian dự kiến vận hành khai thác nước;</p> <p>b) Thuyết minh phương án khai thác tài nguyên nước của dự án, trong đó thể hiện đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này;</p> <p>c) Dự kiến tác động và các biện pháp giảm thiểu tác động của việc vận hành khai thác của công trình đến nguồn nước, môi trường, các đối tượng khai thác, sử dụng nước và đối tượng khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình;</p> <p>d) Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác nước.</p> | 01 | Bản chính |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Phí thẩm định |
|---|--|--|
| <p>1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án nộp hồ sơ theo các hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (Bộ phận Một cửa) của UBND cấp huyện nơi dự kiến xây dựng công trình khai thác. - Nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện nơi dự kiến xây dựng công trình khai thác thông qua dịch vụ bưu chính. <p>2. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân lựa chọn cách thức nhận kết quả sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện nơi dự kiến xây dựng công trình khai thác. - Nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính. | <p>30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ¹.</p> | <p>Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả.</p> |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|------------------|-------------------|-----------------|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo Mục I | Thành phần hồ sơ theo Mục I |
| | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày làm việc | BM 01 | <p>Tiếp nhận hồ sơ Thủ tục hành chính trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công chức tại Bộ phận Một cửa kiểm tra |

¹ - Thời hạn tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: 07 ngày làm việc.

- Thời hạn tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan về công trình dự kiến xây dựng và gửi văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án: 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân đầu tư dự án bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian tổ chức lấy ý kiến.

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|--------------------|---|
| | | | | | <p>hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.</p> <p>- Công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>Tiếp nhận hồ sơ Thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Bộ phận Một cửa thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích chuyển đến theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg .</p> <p>- Công chức tại Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.</p> <p>- Thời điểm xác định tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền được tính kể từ</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|---|------------------------------------|--|------------------|---|---|
| | | | | | <p>khi nhân viên bưu chính và người tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa lập và cùng ký Biên bản giao nhận hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Bộ phận Một cửa có trách nhiệm thông tin cho tổ chức, cá nhân về việc tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.</p> <p>Chuyển hồ sơ cho công chức thụ lý của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.</p> |
| B2 | Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ hồ sơ | Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 05 ngày làm việc | Theo Mục I; BM 01; Phiếu trình; Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. | <p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của tài liệu, nội dung thông tin cung cấp để tổ chức lấy ý kiến; hướng dẫn bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án (nếu cần thiết).</p> <p>- Nếu hồ sơ đạt yêu cầu: lập phiếu trình báo cáo hiện trạng hồ sơ và đề xuất phương án giải quyết (Thực hiện tiếp B5).</p> <p>- Nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu: lập phiếu trình báo cáo hiện trạng hồ sơ, đề nghị cho bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; dự thảo văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> |
| B3. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện | | | | | |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|---|---------------------------|--|-------------------|--|--|
| B3.1 | Xem xét, ký duyệt | Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 01 ngày làm việc | Theo Mục I; BM 01; Phiếu trình; Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. | Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký phiếu trình, ký văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. |
| B3.2 | Ban hành văn bản | Văn thư phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 0,5 ngày làm việc | Theo Mục I; BM 01; Phiếu trình; Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. | Thực hiện cho sổ, vào sổ, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản, chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa. |
| Hồ sơ đợi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện theo văn bản yêu cầu của UBND cấp huyện | | | | | |
| B4 | Đề xuất lấy ý kiến góp ý | Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 02 ngày làm việc | Theo Mục I; BM 01; Phiếu trình; Dự thảo: Văn bản lấy ý kiến góp ý/ Văn bản từ chối giải quyết. | Công chức thụ lý hồ sơ sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức: - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: lập phiếu trình báo cáo hiện trạng hồ sơ và dự thảo văn bản tham mưu tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng. |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|---|-------------------|--|--|
| | | | | | <p>- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Công chức thụ lý lập phiếu trình, dự thảo văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do). Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét.</p> |
| B5 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 1,5 ngày làm việc | Theo Mục I; BM 01; Phiếu trình; Dự thảo: Văn bản lấy ý kiến góp ý/ Văn bản từ chối giải quyết. | <p>Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: ký phiếu trình đề nghị lấy ý kiến góp ý các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng, ký nháy công văn lấy ý kiến góp ý, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện (thực hiện tiếp từ B6 đến B7).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, phải lập lại hồ sơ: Ký phiếu trình, ký văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do) (thực hiện tiếp B7, B18).</p> |
| B6 | Ký duyệt | Lãnh đạo UBND cấp huyện | 02 ngày làm việc | Theo Mục I; Phiếu trình; Dự thảo văn bản lấy ý kiến góp ý. | Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, ký duyệt phiếu trình chấp thuận cho lấy ý kiến góp ý, ký văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---|--|-------------------|---|---|
| | | | | | công trình dự kiến xây dựng. |
| B7 | Ban hành văn bản | Văn thư UBND cấp huyện | 0,5 ngày làm việc | Văn bản lấy ý kiến góp ý/ Văn bản từ chối giải quyết | Thực hiện cho sổ, vào sổ, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản, chuyên kết quả về Bộ phận Một cửa. |
| B8 | Tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến góp ý | Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 13 ngày làm việc | Theo Mục I; Phiếu trình; Dự thảo văn bản tổng hợp ý kiến góp ý. | - Công chức thụ lý hồ sơ tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến góp ý các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng. - Lập phiếu trình và dự thảo văn bản tổng hợp ý kiến góp ý để trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| B9 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 1,5 ngày làm việc | Theo Mục I; Phiếu trình; Dự thảo văn bản tổng hợp ý kiến góp ý. | Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, ký phiếu trình, ký nháy dự thảo văn bản tổng hợp ý kiến góp ý để trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| B10 | Ký duyệt | Lãnh đạo UBND cấp huyện | 02 ngày làm việc | Theo Mục I; Phiếu trình; Dự thảo văn bản tổng hợp ý kiến góp ý. | Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phiếu trình và hồ sơ liên quan, ký duyệt phiếu trình, ký văn bản tổng hợp ý kiến góp ý. |
| B11 | Ban hành văn bản | Văn thư UBND cấp huyện | 0,5 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho sổ, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyên kết quả hồ |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--|----------------------------------|---------------|-------------------------------|---|
| | | | | | sơ cho Bộ phận Một cửa. |
| B12 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa - UBND cấp huyện | Theo Giấy hẹn | Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý | - Trả kết quả cho tổ chức. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | | Hồ sơ lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan về tác động của công trình khai thác nước |
| 3. | | Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Tài nguyên nước năm 2023.

- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chữ ký số của Tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

BM 01

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QUẬN/HUYỆN ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ

TRẢ KẾT QUẢ

Số:...../BPTNTKQ

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1.

2.

3.

4.

Số lượng hồ sơ: (bộ).

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ngày làm việc.

Thời gian nhận hồ sơ: giờ.... phút, ngày ... tháng ... năm

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ... giờ ..., phút, ngày ... tháng năm

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số: Số thứ tự

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là
biểu mẫu điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ TÁI CẤU TRÚC
Quy trình số 02

Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất

(Ban hành kèm theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|----|--|----------|-----------|
| 1. | <p>- Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình) (theo Mẫu 13, Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP).</p> <p>- Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ) (theo Mẫu 14, Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP)</p> | 02 | Bản chính |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Phí thẩm định |
|--|---|---------------|
| <p>1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất nộp hồ sơ theo các hình thức sau đây: - Nộp hồ sơ trực tiếp: Tổ chức, cá nhân nộp 02 tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân</p> | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai đăng ký. | Không |

| | | |
|--|--|--|
| <p>dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>Trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký trước khi xây dựng công trình.</p> <p>- Nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>2. Trả kết quả:</p> <p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn cách thức nhận kết quả sau đây:</p> <p>- Nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>- Nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính.</p> | | |
|--|--|--|

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|------------------|---|-----------------|-----------------------------|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho UBND cấp xã thì UBND cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong | Theo Mục I | Thành phần hồ sơ theo Mục I |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|-------------------------|---|
| | | | thời hạn 01 ngày làm việc | | |
| | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày làm việc | BM 01 BM 02 BM 03 | <p>Tiếp nhận hồ sơ Thủ tục hành chính trực tiếp:</p> <p>Công chức tại Bộ phận Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ theo quy định: Công chức hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ một lần đầy đủ, chính xác và nêu rõ lý do theo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ: Công chức phải nêu rõ lý do từ chối hồ sơ theo Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|--------------------|--|
| | | | | | <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định: Công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>Tiếp nhận hồ sơ Thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Bộ phận Một cửa thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích chuyển đến theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg .</p> <p>- Công chức tại Bộ phận Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.</p> <p>- Thời điểm xác định tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp pháp, hợp lệ tại cơ quan có thẩm quyền được tính kể từ khi nhân viên bưu chính và người tiếp nhận hồ sơ tại Bộ</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--|--|------------------|---|--|
| | | | | | <p>phận Một cửa lập và cùng ký Biên bản giao nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì thời điểm tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu được xác định là thời điểm nộp hồ sơ hợp pháp, hợp lệ (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).</p> <p>- Bộ phận Một cửa có trách nhiệm thông tin cho tổ chức, cá nhân về việc tiếp nhận hồ sơ và hạn ngày trả kết quả, việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.</p> <p>Chuyển hồ sơ cho công chức thụ lý của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.</p> |
| B2 | Kiểm tra nội dung thông tin Tờ khai, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 05 ngày làm việc | Theo Mục I; BM 01; Phiếu trình; Dự thảo kết quả: Văn bản xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất | <p>Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra nội dung thông tin Tờ khai.</p> <p>- Trường hợp nội dung Tờ khai đạt yêu cầu: Công chức thụ lý lập phiếu trình, dự thảo văn bản xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất.</p> <p>- Trường hợp nội dung Tờ khai không đạt yêu</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|---|------------------|---|--|
| | | | | hoặc Văn bản từ chối xác nhận đăng ký. | <p>cầu: Công chức thụ lý lập phiếu trình, dự thảo văn bản từ chối xác nhận đăng ký (nêu rõ lý do).</p> <p>Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét ký duyệt.</p> |
| B3 | Xem xét | Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 01 ngày làm việc | Theo Mục I; BM 01; Phiếu trình; Dự thảo kết quả: Văn bản xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc Văn bản từ chối xác nhận đăng ký. | <p>Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nội dung Tờ khai đạt yêu cầu: Ký phiếu trình, ký nháy dự thảo văn bản xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (thực hiện tiếp từ B4 đến B6). - Trường hợp nội dung Tờ khai không đạt yêu cầu: Ký phiếu trình, ký văn bản từ chối xác nhận đăng ký (nêu rõ lý do) (thực hiện tiếp từ B5 đến B6). |
| B4 | Ký duyệt | Lãnh đạo UBND cấp huyện | 02 ngày làm việc | Theo Mục I; BM 01; Phiếu trình; Dự thảo văn bản xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất | Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt phiếu trình, ký văn bản xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất. |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/ Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|--|---|-------------------|---|--|
| B5 | Ban hành văn bản | Văn thư UBND cấp huyện/ Phòng TNMT cấp huyện | 0,5 ngày làm việc | Văn bản xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất kèm theo Tờ khai đăng ký hoặc Văn bản từ chối xác nhận đăng ký. | Thực hiện cho sổ, vào sổ, đóng dấu, sao lưu và phát hành văn bản, chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa. |
| B6 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa | Theo giấy hẹn | Văn bản xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất kèm theo Tờ khai đăng ký hoặc Văn bản từ chối xác nhận đăng ký | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|-----------|----------------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |
| 4. | BM 04 | Mẫu Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không |

| | | |
|----|-------|--|
| | | vượt quá 10 m ³ /ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình) (Mẫu 13, Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP). |
| 5. | BM 05 | Mẫu Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ) (Mẫu 14, Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP) |

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | BM 04 | Mẫu Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m ³ /ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình) (Mẫu 13, Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP). |
| 5. | BM 05 | Mẫu Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ) (Mẫu 14, Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP) |
| 7. | | Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất đã được xác nhận |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Tài nguyên nước năm 2023.

- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chữ ký số của Tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

BM 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ
TRẢ KẾT QUẢ**

Số:...../BPTNTKQ

....., ngày tháng năm

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1.

2.

3.

4.

Số lượng hồ sơ: (bộ).

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ngày làm việc.

Thời gian nhận hồ sơ: giờ phút, ngày ... tháng ... năm

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ... giờ ..., phút, ngày tháng năm

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số:..... Số thứ tự

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là
biểu mẫu điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

Chữ ký số của Tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

BM 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN ...
**BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ
TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

....., ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại.....Email:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

- 1.
 - 2.
 - 3.
 - 4.
-
-

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với..... số
điện thoại để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là
biểu mẫu điện tử)

Chữ ký số của Tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

BM 03

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QUẬN/HUYỆN ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ****TRẢ KẾT QUẢ**

Số:...../ BPTNTKQ

... .., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Bộ phận Một cửa

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ*(Ký và ghi rõ họ tên)***NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ***(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Tổng lượng nước khai thác của công trình thứ 2 (bao gồm tổng lượng nước của tất cả các giếng tại công trình khai thác):(m³/ngày đêm)

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện (nơi xây dựng công trình) xem xét, xác nhận việc đăng ký khai thác nước dưới đất cho (tổ chức/cá nhân đăng ký).

..., ngày ...tháng...năm...

Tổ chức/cá nhân đăng ký

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Hướng dẫn đăng ký: (1) Ghi rõ chế độ số giờ khai thác nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình/năm.

B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

(Xác nhận, ký, đóng dấu)

Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức/cá nhân xin đăng ký.
2. Vị trí công trình, lưu lượng khai thác và mục đích sử dụng nước.

3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan tiếp nhận quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

(Mẫu 14)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

(Đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ)

A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (*tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số định danh cá nhân, nơi cấp, ngày cấp, địa chỉ nơi cư trú đối với cá nhân*):

1.2. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có) liên hệ:

2. Thông tin về công trình:

2.1. Tên công trình/dự án:.....

2.2. Vị trí công trình: (1)

2.3. Kích thước moong khai thác:

2.4. Mục đích sử dụng nước (*để tuyển quặng hay bơm hút nước để tháo khô mỏ*):
.....2.5. Lượng nước bơm hút để tuyển quặng/ tháo khô mỏ:(m³/ngày đêm)

2.6. Chế độ bơm hút để tuyển quặng/ tháo khô mỏ:(2)

2.7. Thời gian đăng ký: (3)

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- (*Tên tổ chức/cá nhân đăng ký*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đăng ký*) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên

quan.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện (*nơi xây dựng công trình*) xem xét, xác nhận việc đăng ký khai thác nước dưới đất cho (*tổ chức/cá nhân đăng ký*).

..., ngàytháng....năm....

Tổ chức/cá nhân đăng ký

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Hướng dẫn đăng ký:

(1) Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp, xã, huyện, tỉnh/thành phố) nơi xây dựng công trình; tọa độ vị trí lắp đặt bơm hút nước tại moong (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3° (nếu có)).

(2) Ghi rõ chế độ số giờ khai thác nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình/năm.

(3) Ghi rõ số năm đăng ký khai thác nước.

B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

(Xác nhận, ký, đóng dấu)

Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức/cá nhân xin đăng ký.
2. Vị trí, tên công trình/dự án.

3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo và trả Tờ khai cho cơ quan quản lý hoặc thông báo trực tiếp; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2025

CHỈ THỊ

Về việc phát động phong trào thi đua

“Hành động đổi mới - Vượt khó mọi nhiệm vụ” thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, kế hoạch 05 năm (2021 - 2025) lập thành tích chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025, đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025)

Năm 2025 là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, đất nước và Thành phố Hồ Chí Minh: Kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Kỷ niệm 135 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9; tổ chức đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XII, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI.

Bên cạnh đó, dự báo tình hình quốc tế và trong nước năm 2025 còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức mới đan xen lẫn nhau, tác động không nhỏ đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh của đất nước nói chung và Thành phố nói riêng; đồng thời, năm 2025 cũng là năm có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với từng sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, các tổng công ty, công ty (viết tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương) nỗ lực phấn đấu, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, góp phần hoàn thành kế hoạch 05 năm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Trước bối cảnh tình hình chung của cả nước, để vượt qua những khó khăn, thách thức, kịp thời nắm bắt cơ hội; phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh

tế - xã hội của Thành phố, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại trong năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức phát động thi đua, thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản quy định về thi đua, khen thưởng; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021¹ và Chỉ thị số 39/CT -TTg ngày 15 tháng 10 năm 2024² của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố³, trong đó đảm bảo nội dung thi đua thực hiện 04 giai đoạn với mốc thời gian nêu cụ thể trong Chỉ thị; Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố⁴ nhằm triển khai thực hiện thắng lợi các nội dung chủ đề năm 2025 của Thành phố: “Tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số; Nghị quyết số 98/2023 của Quốc hội; giải quyết cơ bản những vướng mắc, tồn đọng của Thành phố”.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức các phong trào thi đua thực chất, hiệu quả, đa dạng về đối tượng tham gia, phong phú về nội dung nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân đồng thuận, đồng lòng ra sức thi đua phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 và kế hoạch 5 năm (2021 - 2025).

¹ Về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

² Về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI.

³ Về việc đẩy mạnh thi đua “Nâng cao chất lượng - bứt phá mục tiêu” thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI và các ngày lễ lớn năm 2025.

⁴ Về việc tăng cường kỷ cương hành chính, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 07 phong trào thi đua trọng tâm do Thủ tướng Chính phủ phát động trong thời gian qua như: “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”; “Đẩy mạnh, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”; “Cả nước thi đua học tập; đẩy mạnh xã hội học tập”; “Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025”, Đợt thi đua cao điểm “500 ngày đêm thi đua hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc”; gắn với triển khai hiệu quả Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị⁵; Nghị quyết số 98/2023/QH15⁶ của Quốc hội. Đồng thời, triển khai thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua chuyên đề, phong trào thi đua theo đợt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phát động trên các lĩnh vực như: Phong trào thi đua “*Cán bộ, công chức, viên chức thi đua năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, vì sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh*”; Phong trào thi đua “*Chính quyền số, chuyển đổi số*”; Phong trào thi đua “*Cải cách hành chính*” trên địa bàn Thành phố; Phong trào thi đua “*Doanh nghiệp, doanh nhân đổi mới sáng tạo cùng Thành phố phát triển*”; Phong trào thi đua “*Chinh trang và phát triển đô thị*”; Phong trào thi đua “*Thanh niên Thành phố lập nghiệp, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo*”; Phong trào thi đua “*Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công*”, Phong trào thi đua “*Xây dựng văn hóa giao thông an toàn, vì sự phát triển bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh*”, ...

4. Đổi mới nội dung và cách thức tổ chức phong trào thi đua, bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, tập trung giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm, các chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh. Các phong trào thi đua tập trung thực hiện hiệu quả Chủ đề năm 2025 của Thành phố gắn với đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, với phương châm: “*hành động đổi mới, quyết liệt, khát vọng phát triển*”, tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm kinh tế, văn hóa, và công nghệ hàng đầu khu vực; trong đó: thực hiện thắng lợi **05 nhóm nhiệm vụ với 28 chỉ tiêu chủ**

⁵ Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁶ Về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

yếu về phát triển kinh tế - xã hội Thành phố năm 2025⁷, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trên **10%**; **hoàn thành 100%** chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước; tập trung đẩy mạnh tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trên **95%**⁸; phấn đấu Thành phố nằm trong **nhóm 5 địa phương** dẫn đầu cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và **nhóm 15 địa phương** dẫn đầu cả nước về chỉ số cải cách hành chính (PAR-index); tỷ lệ người dân hài lòng với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước ở từng lĩnh vực **đạt 95%** trở lên với mục tiêu phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ với thực hiện phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, xã hội số; đồng thời, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, để Thành phố sẵn sàng cùng cả nước bước sang **“Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”**.

5. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai nhóm các chương trình: Chương trình đột phá về đổi mới quản lý và phát triển đô thị; Chương trình đột phá về phát triển hạ tầng; Chương trình đột phá về chuyển đổi mô hình kinh tế; Chương trình đột phá phát triển văn hóa - xã hội; Chương trình huy động nguồn lực. Tập trung triển khai phong trào thi đua thực hiện đảm bảo tiến độ hoàn thành 51 đề án trong 03 chương trình đột phá (về đổi mới quản lý, phát triển hạ tầng, phát triển nhân lực và văn hóa) và 01 chương trình trọng điểm (về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển sản phẩm chủ lực của Thành phố Hồ Chí Minh) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI đề ra. Đặc biệt, phát huy tối đa tinh thần và truyền thống sáng tạo của Thành phố, triển khai hiệu quả Đề án tổ chức phong trào thi đua sáng tạo và các Giải thưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh; trong đó, nâng cao chất lượng Giải thưởng Sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh lần 4 năm 2025 thật sự trở thành một Giải thưởng tiêu biểu, danh giá, xứng tầm; chú trọng yếu tố sáng tạo; thu hút nhiều thành phần, nhiều đối tượng tham gia, nhất là các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, đội ngũ trí thức, lực lượng giảng viên, sinh viên các

⁷ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025; Báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

⁸ Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Thành phố đến năm 2025;

trường đại học, Nhân dân trên địa bàn Thành phố.

6. Thi đua đăng ký các công trình chào mừng đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XII, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI⁹. Thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025; đặc biệt, thi đua đẩy nhanh tiến độ sớm hoàn thành các công trình chào mừng Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) theo Kế hoạch số 3818/KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Thực hiện sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, kế thừa, phát huy những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện để đẩy mạnh các phong trào thi đua trong giai đoạn tiếp theo¹⁰. Thực hiện các chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng đúng quy định, quan tâm nâng cao tỷ lệ khen thưởng đối với các tập thể nhỏ, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp có thành tích trong công tác, chiến đấu, lao động sản xuất. Chủ động phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền nhân rộng, tổ chức tôn vinh các điển hình tiên tiến, các mô hình, giải pháp sáng tạo trong phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn Thành phố.

8. Tổ chức thực hiện:

⁹ Kế hoạch số 974/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phát động Phong trào thi đua sáng tạo đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025); Kế hoạch số 3818/KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 về triển khai các chương trình, công trình, dự án thi đua tiêu biểu cấp Thành phố chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và Kế hoạch số 4680/KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Phát động thi đua đặc biệt chào mừng các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị của đất nước, Thành phố, chào mừng Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Hướng dẫn số 6115/HD-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức phong trào thi đua yêu nước và tôn vinh, khen thưởng nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của đất nước và của Thành phố Hồ Chí Minh trong 02 năm 2024 - 2025.

¹⁰ Hướng dẫn số 6115/HD-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức phong trào thi đua yêu nước và tôn vinh, khen thưởng nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của đất nước và của Thành phố Hồ Chí Minh trong 02 năm 2024, 2025.

8.1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương thuộc Thành phố: xây dựng kế hoạch tổ chức phong trào thi đua tại đơn vị trên tinh thần cụ thể hóa những nội dung của Chi thị này. Triển khai đăng ký các công trình thi đua chào mừng các sự kiện trọng đại, các ngày lễ lớn của đất nước và Thành phố trong năm 2025 gửi về Sở Nội vụ (có hướng dẫn riêng). Thường xuyên tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết; quan tâm, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; có trách nhiệm xây dựng, giới thiệu và tổ chức tôn vinh, giao lưu học tập giữa các mô hình, điển hình tiên tiến, các nhân tố mới trong phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương¹¹; tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến giai đoạn 2025 - 2030 đảm bảo nội dung và tiến độ theo yêu cầu¹².

8.2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội: phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tuyên truyền, huy động các tầng lớp Nhân dân, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước; đặc biệt là Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, Phong trào thi đua “Xóa nhà tạm, nhà dột nát”, Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn Thành phố; kịp thời giới thiệu, tôn vinh các gương “Người tốt việc tốt”, “Tấm gương thầm lặng mà cao cả” vì cộng đồng, vì sự bình yên, tốt đẹp trong xã hội, khu dân cư.

8.3. Các cơ quan báo chí, truyền thông: chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cổ động về phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động, tuyên truyền nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025; đặc biệt, tập trung tuyên truyền việc thực hiện các công trình, dự án chào mừng Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025); kịp thời tuyên truyền các điển hình tiên tiến, nhân tố mới trong phong trào thi đua yêu nước của Thành phố; tuyên truyền các công trình thi đua chào mừng đại hội đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII và Đại hội thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII.

¹¹ Kế hoạch số 4257-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

¹² Kế hoạch số 6727/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến các cấp tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII (giai đoạn 2025 - 2030).

8.4. Giao Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai Chỉ thị này; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu biểu dương khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực trong phong trào thi đua trên địa bàn Thành phố nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của Thành phố trong năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến đảm bảo yêu cầu, đúng tiến độ; hướng đến tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII giai đoạn 2025 - 2030¹³.

- Hướng dẫn đăng ký, tổng hợp các công trình thi đua chào mừng đại hội đảng các cấp, chào mừng Đại hội thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII giai đoạn 2025 - 2030 của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận, khen thưởng và gắn biển công trình thi đua đã hoàn thành.

8.5. Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua thuộc Thành phố: năm 2025 có các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cụm, khối thi đua thông qua việc xây dựng nội dung, phương thức hoạt động, tổ chức triển khai các phong trào thi đua phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc điểm từng cụm, khối thi đua.

8.6. Các cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố giao chủ trì các Phong trào thi đua chủ động tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, phát huy những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện, để đẩy mạnh các phong trào thi đua trong giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phát động phong trào thi đua “Hành động đổi mới - Vượt khó mọi nhiệm vụ” thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, kế hoạch 05 năm (2021 - 2025) lập thành tích chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025,

¹³ Kế hoạch 6035/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 Tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII (giai đoạn 2025 - 2030).

đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 278/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 206/TTr-
SQHKT ngày 14 tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 15 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TTHC nội bộ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|--|--|--------------------------------------|--------------------------|
| A. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Quy hoạch - Kiến trúc | | | |
| 1. | Xây dựng Báo cáo thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại đặc biệt | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 2. | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 3. | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 4. | Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 5. | Thẩm định, phê duyệt đề án, đề án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 6. | Thẩm định, phê duyệt đề án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|--|--------------------------------------|--------------------------|
| 7. | Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 8. | Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 9. | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 10. | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| 11. | Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | Sở Quy hoạch - Kiến trúc |
| B. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện | | | |
| 1. | Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | UBND cấp huyện |
| 2. | Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | UBND cấp huyện |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|------------|---|--------------------------------------|--------------------------|
| 3. | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | UBND cấp huyện |
| 4. | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị | UBND cấp huyện |

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**1. Tên TTHC: Xây dựng Báo cáo thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại đặc biệt****a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Thực hiện văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Quy hoạch - Kiến trúc căn cứ Điều 18, Điều 36 Luật Quy hoạch đô thị 2009 gửi văn bản đề nghị các đối tượng của quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị đề nghị lập báo cáo gửi về Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổng hợp.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản báo cáo.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản báo cáo

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm

định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

2. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 và được bổ sung bởi điểm a khoản 7 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020; khoản 2 điều 44 Luật Quy hoạch đô thị 2009 được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018; khoản 1, khoản 2 Điều 13 Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức được UBND Thành phố phân công, giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đến Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ, đối chiếu với các quy định hiện hành để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến quy hoạch (nếu cần thiết). Căn cứ các quy định hiện hành để tham mưu việc tổ chức thẩm định phê duyệt quy hoạch, đồng thời căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định để có văn bản gửi cơ quan, tổ chức trình thẩm định để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Bước 3: Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu văn bản báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Bước 4: UBND Thành phố lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với đề án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV và đô thị mới.

- Bước 5: Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần: Theo quy định tại Điều 5 và Điều 24 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

Số lượng: 03 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày và thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức được UBND Thành phố giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND các cấp, Sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính quyền có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch

h) Phí, lệ phí (nếu có): theo quy định tại Thông tư số 35/2023/TT-BTC 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 41 và khoản 2, Điều 44 Luật quy hoạch đô thị 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018; khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 13 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch nộp hồ sơ tại Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân Thành phố phê duyệt.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Bao gồm:

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 20 ngày, phê duyệt: 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp quận/huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi bổ sung ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 3 năm 2016 quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.
- Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tên TTHC: Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh**a) Trình tự thực hiện:**

Căn cứ quy định điểm 2 khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018.

- Bước 1: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân Thành phố phê duyệt.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 03 bộ hồ sơ Theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố

d) Thời hạn giải quyết: Phê duyệt: 15 ngày (theo Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

5. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 41 và khoản 2, Điều 44 Luật quy hoạch đô thị 2009, được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018; khoản 1, Điều 12 và khoản 2, Điều 13 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức được UBND Thành phố phân công, giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đến Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ, đối chiếu với các quy định hiện hành để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến quy hoạch (nếu cần thiết). Căn cứ các quy định hiện hành để tham mưu việc tổ chức thẩm định phê duyệt quy hoạch, đồng thời căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định để có văn bản gửi cơ quan, tổ chức trình thẩm định để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Bước 3: Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu văn bản báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Bước 4: UBND Thành phố lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với đồ án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV và đô thị mới .

- Bước 5: Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần:** theo quy định tại Điều 7 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- **Số lượng:** 03 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời

gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức lập đồ án, đồ án điều chỉnh hoạch chung Thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND các cấp, Sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính quyền có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 35/2023/TT-BTC 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

- Thông tư số 12/2023/TT-BXD ngày 20/11/2023 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính.

6. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V

a) Trình tự thực hiện

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 41 và khoản 2, Điều 44 Luật quy hoạch đô thị 2009 được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018; khoản 1, Điều 12 và khoản 2, Điều 13 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức được UBND Thành phố phân công, giao nhiệm vụ gửi bộ hồ sơ đến Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ, đối chiếu với các quy định hiện hành để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến quy hoạch (nếu cần thiết). Căn cứ các quy định hiện hành để tham mưu việc tổ chức thẩm định phê duyệt quy hoạch, đồng thời có trách nhiệm căn cứ vào ý kiến các cơ quan có liên quan, Hội đồng thẩm định để có văn bản gửi cơ quan, tổ chức trình thẩm định để hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch

- Bước 3: Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu văn bản báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Bước 4: UBND Thành phố lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với đồ án quy hoạch chung đô thị mới

- Bước 5: Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần: Theo quy định tại Điều 8 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

Số lượng: 03 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án không quá 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số

37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan tổ chức lập đề án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND các cấp, Sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính quyền có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt đề án quy hoạch

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 35/2023/TT-BTC 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đề án quy hoạch.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

7. Tên TTHC: Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 41 và khoản 2, Điều 44 Luật quy hoạch đô thị 2009; Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch năm 2018; khoản 1, Điều 12 và khoản 2, Điều 13 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch nộp hồ sơ tại Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân Thành phố phê duyệt.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 10, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 25 ngày làm việc, Phê duyệt: 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị có liên quan

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp quận/huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày

31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, sửa đổi bổ sung ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng

cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 3 năm 2016 quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

-
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;
 - Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 3 năm 2016 quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;
 - Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.
 - Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính.
 - Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Tên TTHC: Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ quy định điểm 2 khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018.

- Bước 1: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân Thành phố phê duyệt.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

03 bộ hồ sơ theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày (theo Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây

dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật Xây dựng năm 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

9. Tên TTHC: Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị:

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh (cơ quan trình thẩm định) nộp hồ sơ tại Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: theo quy định tại Điều 11, Điều 28 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

+ Số lượng: không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 20 ngày, phê duyệt là 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật Nhà ở 2023;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

10. Tên TTHC: Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị:

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập đồ án, đồ án điều chỉnh (cơ quan trình thẩm định) nộp hồ sơ tại Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Theo quy định tại Điều 12, Điều 29 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

+ Số lượng: không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 25 ngày, phê duyệt là 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức lập đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật Nhà ở 2023;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

11. Tên TTHC: Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Thực hiện theo khoản 1 điều 12 và khoản 2 điều 13 Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ nộp hồ sơ tới Sở Quy hoạch - Kiến trúc để thẩm định.

- Bước 2: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Bước 3: UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo mục 3 Hướng dẫn số 1383/HD-SQHKT ngày 14/4/2021 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về thành phần nội dung hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trong công tác quản lý quy hoạch đô thị.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 25 ngày, phê duyệt là 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: các Sở Ban Ngành, quận huyện và các đơn vị liên quan theo quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh, bản vẽ và các tài liệu liên quan theo quy định.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về bổ sung sửa đổi 1 số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

B. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. Tên TTHC: Phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định (do Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày (theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND quận, huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn cấp huyện

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;

- Luật Xây dựng 2014;

-
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
 - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
 - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

2. Tên TTHC: Phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định (do Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày (theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận, huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn cấp huyện
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đính kèm thuyết minh và bản vẽ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;
- Luật Xây dựng 2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

3. Tên TTHC: Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định (do Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: theo quy định tại Điều 11 và Điều 28 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 20 ngày, phê duyệt là 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;

- Luật Xây dựng 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch

2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

4. Tên TTHC: Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định (do Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 12 và Điều 29 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định là 25 ngày, phê duyệt là 15 ngày (Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu quyết định: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị 2009;

- Luật Xây dựng 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng